TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH412**

Thực tập chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Học Kỳ I năm học 2016 - 2017

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay Bào	Sữa chữa	Trung Bình	Xét	Ghi chú
1	DTK1151010224	Nguyễn Dương Tuấn	Anh			7		8	4.4	Thiếu Ban	
2	K125520103059	Nguyễn Lý Ngọc	Anh		7	6	7	5	6.2	Đạt	
3	K125520103175	Nguyễn Tuấn	Anh		8	7	5	7	6.7	Đạt	
4	K125520103320	Bùi Việt	Anh	07/09/94	3	7	7	6	6.1	Đạt	
5	K125520103458	Dương Tuấn	Anh	13/09/94	7	6		5	4.5	Thiếu Ban	
6	K125520114004	Thẩm Hoàng	Anh		7		5		2.3	Thiếu Ban	
7	DTK1151010169	Phạm Văn	Bình	29/08/92	7	7	7	5	6.5	Đạt	
8	DTK1051010808	Phạm Văn	Chiến	24/09/92	6	6	7		4.8	Thiếu Ban	
9	K125520103178	Nguyễn Mạnh	Chiến		5	6	5	3	4.9	Đạt	
10	K125520103328	Trần Văn	Chiến		7	7	8	6	7.0	Đạt	
11	DTK1151010664	Nguyễn Văn	Chung		8	6	8	5	6.6	Đạt	
12	DTK1151010719	Lương Văn	Chung	22/08/93	7	5	B	7	#VALUE!	Thiếu Ban	
13	K125520103063	Phan Văn	Chung		7	6	5	7	6.2	Đạt	
14	K125520103245	Đào Văn	Công	23/09/94	7	5	B	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
15	K125520103252	Tô Bá	Cung	03/06/93	7	7	8	4	6.5	Đạt	
16	DTK1151020182	Hoàng Văn	Cường	23/09/93				2	0.5	Thiếu Ban	
17	K125520103061	Dương Mạnh	Cường	11/10/94	5	6	6	4	5.4	Đạt	
18	K125520103062	Lê Mạnh	Cường		3	8	7	8	7.0	Đạt	
19	K125520103120	Hứa Văn	Cường		8	8	7	7	7.5	Đạt	
20	K125520103121	Nguyễn Văn	Cường		8	8	5	6	6.8	Đạt	
21	K125520114066	Phạm Hùng	Cường	02/11/93	6	8	8	6	7.2	Đạt	
22	DTK0951010539	Đinh Văn	Đạt	24/10/91	6	5	6	7	5.9	Đạt	
23	K125520114001	Dương Tiến	Đạt	02/10/94	7	6	8	5	6.4	Đạt	
24	K125520114071	Dương Văn	Đạt			7	4	8	5.4	Thiếu Ban	
25	K125520103342	Dương Công	Định		4	6	6	6	5.7	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay Bào	Sữa chữa	Trung Bình	Xét	Ghi chú
26	K125520114056	Nguyễn Thế	Định		7	6	6	6	6.2	Đạt	
27	DTK1151010056	Nguyễn Hữu	Đoàn	02/03/93	7	8	8		5.9	Thiếu Ban	
28	K125520103009	Cao Xuân	Đông		8	8	7	5	7.0	Đạt	
29	K125520103067	Nguyễn Mạnh	Đông		8	7	6	7	6.9	Đạt	
30	DTK0951010764	Trần Hữu	Đức		7	7	B	3	#VALUE!	Thiếu Ban	
31	K125520103263	Hoàng Minh	Đức	30/03/94	5	7	8	7	6.9	Đạt	
32	K125520103340	Ngô Đình	Đức	11/08/94	7	8	8	7	7.6	Đạt	
33	K125520103425	Ngô Trung	Đức	25/04/94	7	7	7	7	7.0	Đạt	
34	K125520114002	Nguyễn Duy	Đức	20/12/94	8	6	8	6	6.8	Đạt	
35	K125520103065	Dương Văn	Dũng	23/08/93	7	8	7	6	7.1	Đạt	
36	K125520103124	Nông Tiến	Dũng		8	7	6	8	7.2	Đạt	
37	K125520103254	Lê Văn	Dũng	29/09/93	7	8		5	5.2	Thiếu Ban	
38	K125520103332	Đỗ Tiến	Dũng		7	8	8	7	7.6	Đạt	
39	K125520103459	Nguyễn Tiến	Dũng		8			B	#VALUE!	Thiếu Ban	
40	K125520103330	Nguyễn Văn	Dương		7	7	8	8	7.5	Đạt	
41	K125520103336	Ngô Phương	Duy		7	7	8	6	7.0	Đạt	
42	K125520103344	Bùi Minh	Giang		4	8	5	8	6.6	Đạt	
43	DTK1151010671	Kiều Mạnh	Hà				7		1.7	Thiếu Ban	
44	K125520103268	Nguyễn Viết	Hà		4	7	7	7	6.5	Đạt	
45	K125520114013	Phạm Thanh	Hà	17/03/94	8	7	7	7	7.2	Đạt	
46	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	16/03/91	7	8	7	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
47	DTK1051010345	Dương Văn	Hải	20/08/92	8	7	8	7	7.4	Đạt	
48	DTK1151010287	Nguyễn Đức	Hải		8	7		7	5.5	Thiếu Ban	
49	K125520103016	Lăng Hồng	Hải	22/02/94	7		5	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
50	K125520103017	Tô Văn	Hải	03/10/94	5	8	8	6	7.0	Đạt	
51	K125520103074	Lê Hồng	Hải	10/06/94	2	7	7	4	5.5	Đạt	
52	K125520103189	Nguyễn Tiến	Hải		7	8	7	7	7.4	Đạt	
53	K125520103269	Giáp Văn	Hải		8	7	7	5	6.7	Đạt	
54	K125520103190	Tạ Văn	Hạnh		7	6	7	5	6.2	Đạt	
55	K125520103270	Phạm Văn	Hạnh		7	8	7	6	7.1	Đạt	
56	K125520103133	Nguyễn Văn	Hảo	24/12/94	B	B	5		#VALUE!	Thiếu Ban	
57	K125520114112	Nguyễn Bá	Hiển	20/10/94	6	6	6	4	5.5	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay Bào	Sữa chữa	Trung Bình	Xét	Ghi chú
58	K125520114019	Nguyễn Văn	Hiếu	25/09/94	8	6		5	4.6	Thiếu Ban	
59	K125520103136	Phạm Văn	Hòa		7	7	6	7	6.8	Đạt	
60	K125520103279	Đinh Văn	Hòa			6		6	3.6	Thiếu Ban	
61	K125520114021	Nguyễn Văn	Hòa	02/10/94	4	6	6	5	5.4	Đạt	
62	DTK1051010433	Sái Việt	Hoàng	5/6/1992	7	8	B	8	#VALUE!	Thiếu Ban	
63	DTK1151010625	Mai Viết	Hoàng	12/08/93	7	6	5	6	5.9	Đạt	
64	K125520103022	Dương Mạnh	Hoàng		7	7	7	8	7.2	Đạt	
65	K125520103023	Đồng Thế	Hoàng	26/12/94	7	8	6	8	7.4	Đạt	
66	K125520103081	Nguyễn Văn	Hoàng	28/08/93	4	6	8	6	6.2	Đạt	
67	K125520103138	Nguyễn Đức	Hoàng	14/10/94	7	7	7	5	6.5	Đạt	
68	K125520103195	Đặng Thái	Hoàng		3	6	7	6	5.8	Đạt	
69	DTK1151010019	Nguyễn Việt	Hùng	26/11/93	8	8	8	3	6.8	Đạt	
70	DTK1151010446	Nguyễn Văn	Hùng		8	8	5	8	7.3	Đạt	
71	K125520103351	Trịnh Văn	Hùng		5	6	B	1	#VALUE!	Thiếu Ban	
72	DTK1151010237	Nguyễn Duy	Hưng		7	6	5	4	5.4	Đạt	
73	DTK1151010723	Đào Hoàng	Hưng		6	6	7	5	6.0	Đạt	
74	DTK1151010442	Vũ Văn	Hương	30/10/93	7	7	7	7	7.0	Đạt	
75	DTK0951010405	Nguyễn Quốc	Huy		8	8	8	8	8.0	Đạt	
76	DTK1051010035	Nguyễn Mạnh	Huy	7/5/1991			5	4	2.2	Thiếu Ban	
77	DTK1151010506	Dương Xuân	Huy	02/10/93	7	6	7	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
78	K125520103083	Nguyễn Công	Huy		7	8	7	8	7.6	Đạt	
79	K125520103282	Đỗ Quốc	Huy	16/06/94	4	6	8	5	5.9	Đạt	
80	K125520114022	Dương Quang	Huy	11/08/94	7	8	8	6	7.4	Đạt	
81	K145520216029	Lý Hoa	Huỳnh				B		#VALUE!	Thiếu Ban	
82	K125520103283	Nguyễn Tiến	Khải		8	8	6	7	7.3	Đạt	
83	K125520103028	Nguyễn Trung	Kiên		8	7	8	6	7.2	Đạt	
84	K125520103286	Phạm Trung	Kiên		4	6	6		4.2	Thiếu Ban	
85	K125520103364	Triệu Đức	Kiên	28/12/94	3	6	5	5	5.0	Đạt	
86	DTK1051010600	Hoàng Vũ Mạnh	Linh	28/04/92	9	7	5	6	6.6	Đạt	
87	K125520103145	Trần Hải	Linh		8	8	5	8	7.3	Đạt	
88	DTK1051010280	Phan Văn	Lộc	10/8/1992	8	7	7	5	6.7	Đạt	
89	K125520103366	Liễu Văn	Lộc		8	6	5	7	6.3	Đạt	
90	DTK0951010833	Bùi Văn	Lưỡng		8	8	8	4	7.0	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay Bào	Sữa chữa	Trung Bình	Xét	Ghi chú
91	1111061195	Lê Nguyên	Lượng			8	7		4.6	Thiếu Ban	
92	K125520103202	Nguyễn Hoàng	Lưu		5	6	6	6	5.8	Đạt	
93	K125520103367	Lê Văn	Lưu		4	7	7	7	6.5	Đạt	
94	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Mạnh	19/05/93	7	6	8	7	6.9	Đạt	
95	DTK1151010718	Trần Văn	Mạnh	16/11/93	6	7	7	7	6.8	Đạt	
96	K125520103368	Lê Đăng	Mạnh		6	8	5	8	7.0	Đạt	
97	K125520103089	Lê Hồng	Minh	05/09/94	5	7	7	4	6.0	Đạt	
98	DTK1051010838	Lê Văn	Nam		B	8	B	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
99	DTK1051010911	Nguyễn Thành	Nam	22/09/92	8	6	7	5	6.3	Đạt	
100	DTK1151010033	Bùi Xuân	Nam	30/06/93	7	6	7	3	5.7	Đạt	
101	K125520103090	Đoàn Khắc	Nam		5	5			2.6	Thiếu Ban	
102	K125520103296	Nguyễn Văn	Nghĩa		8	7	8	5	6.9	Đạt	
103	K125520103373	Nguyễn Bá	Ngọc		7	8	8	6	7.4	Đạt	
104	K125520114084	Lê Đình	Ngọc	16/07/94	8	8	8	6	7.5	Đạt	
105	DTK1151010245	Lý Trọng	Nguyên		8	8	8	7	7.8	Đạt	
106	K125520103092	Nguyễn Đức	Nguyên		8	8	8	6	7.5	Đạt	
107	K125520103207	Hoàng Văn	Nhớ	08/10/94	7	5	B		#VALUE!	Thiếu Ban	
108	K125520114087	Trịnh Thanh	Oai	02/08/94	5	7	6	4	5.7	Đạt	
109	DTK1051010369	Đặng Huy	Phúc	8/7/1992	8	7	7	5	6.7	Đạt	
110	K125520114111	Nguyễn Văn	Phước	28/10/94	7	8	8	7	7.6	Đạt	
111	DTK1151010513	Nguyễn Đăng	Quang	10/05/92	7	7	8	7	7.2	Đạt	
112	K125520103451	Trần Văn	Quang		7	6	7	3	5.7	Đạt	
113	K125520103095	Diêm Công	Quý		5	7	6	7	6.4	Đạt	
114	K125520103301	Nguyễn Văn	Quý	29/01/94		7	7	5	5.4	Thiếu Ban	
115	DTK1051010692	Đinh Văn	Quyết	26/12/92	7		6	5	3.8	Thiếu Ban	
116	K125520103038	Nguyễn Văn	Quyết		7	7		B	#VALUE!	Thiếu Ban	
117	K125520103304	Mai Văn	Quyết		8	8	5	6	6.8	Đạt	
118	K125520103152	Hoàng Ngọc	Quỳnh	23/10/94	7	8	8	4	6.9	Đạt	
119	K125520103096	Trần Văn	Sâm		8	5	8	9	7.2	Đạt	
120	DTK1151010415	Lê Văn	San	14/11/93	7	7	7	4	6.3	Đạt	
121	K125520114089	Ngô Phú	Sang	11/01/94	7	6	7	7	6.6	Đạt	
122	K125520103039	Hoàng Xuân	Sơn		8	6	6	7	6.6	Đạt	
123	K125520103098	Dương Văn	Sơn		5	6			3.0	Thiếu Ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay Bào	Sữa chữa	Trung Bình	Xét	Ghi chú
124	K125520103212	Trần Ngọc	Sơn	22/09/94	5	6	B	6	#VALUE!	Thiếu Ban	
125	K125520103232	Trần Giang	Sơn		7	6	7	4	5.9	Đạt	
126	K125520114092	Nguyễn Văn	Tài	01/09/94	9	8	8	7	7.9	Đạt	
127	DTK1151010039	Nguyễn Văn	Tập		6	7	7	8	7.1	Đạt	
128	K125520103157	Đỗ Văn	Thái		7	7	7	7	7.0	Đạt	
129	K125520103214	Phạm Hồng	Thái	14/11/94	6	8	6	7	7.0	Đạt	
130	K125520103101	Nguyễn Minh	Thắng		8	6	7	5	6.3	Đạt	
131	K125520103159	Nguyễn Hữu	Thắng		7	8	7	6	7.1	Đạt	
132	K125520103215	Hà Trọng	Thắng	16/12/93	7	7	8	7	7.2	Đạt	
133	K135520103510	Bùi Văn	Thanh			7			2.5	Thiếu Ban	
134	K125520103390	Vũ Xuân	Thành	20/10/93	7	6	7	5	6.2	Đạt	
135	K125520114094	Lê Văn	Thành	14/11/94		6	6	4	4.6	Đạt	
136	K125520103396	Nguyễn Sĩ	Thi		7	7	7	8	7.2	Đạt	
137	DTK1151010152	Dương Văn	Thiện	26/05/93	7	6	7	4	5.9	Đạt	
138	K125520114039	Nông Văn	Thiệp	09/02/93	6	8	8	6	7.2	Đạt	
139	DTK1051010860	Nguyễn Hữu	Thịnh	29/03/92		8			2.9	Thiếu Ban	
140	K125520114041	Phạm Văn	Thịnh	03/02/92	7	8	7	6	7.1	Đạt	
141	K125520103160	Ngô Sinh	Thời		8	7	7	6	6.9	Đạt	
142	DTK1151010640	Nguyễn Trung	Thu		7	8	8	8	7.8	Đạt	
143	K125520103107	Quản Văn	Tiến	25/03/93		7		6	4.0	Thiếu Ban	
144	K125520103165	Trần Văn	Tiến		8	8	6	6	7.0	Đạt	
145	K125520103166	Hà Quốc	Toại	27/03/93	7	7	8	8	7.5	Đạt	
146	K125520103414	Nguyễn Văn	Toàn		4		7	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
147	K125520103417	Bùi Hữu	Toản		9	5			3.2	Thiếu Ban	
148	K125520114099	Hồ Nhữ	Tới	04/08/93	8	7	7	6	6.9	Đạt	
149	DTK1151010483	Trương Trọng	Trí	16/06/92	7	6		6	4.7	Thiếu Ban	
150	DTK1051010151	Ma Thịnh	Trình		8	7	B	8	#VALUE!	Thiếu Ban	
151	DTK1051010939	Nguyễn Văn	Trung	5/1/1992	7	7	5	5	6.0	Đạt	
152	K125520114055	Bùi Đức	Trung		7		5	5	3.5	Thiếu Ban	
153	K125520114104	Trần Quốc	Trung	10/02/94			7	5	2.9	Thiếu Ban	
154	K125520103168	Hà Xuân	Trưởng		7	7	7	7	7.0	Đạt	
155	DTK1151010262	Phạm Văn	Tú	22/12/93	7	B	8	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
156	K125520103409	Bùi Anh	Tú		7	B	6	6	#VALUE!	Thiếu Ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay Bào	Sữa chữa	Trung Bình	Xét	Ghi chú
157	K125520114043	Nguyễn Văn	Tú	16/11/94	8	7	6	6	6.7	Đạt	
158	K125520103307	Chu Văn	Tư		7	6		4	4.2	Thiếu Ban	
159	DTK1151010595	Giáp Văn	Tuân	19/02/93	B	B		4	#VALUE!	Thiếu Ban	
160	K125520103429	Bùi Văn	Tuân	16/09/94	6	7	8	8	7.3	Đạt	
161	K125520103055	Trần Anh	Tuấn		8	7	6	6	6.7	Đạt	
162	K125520103170	Nguyễn Anh	Tuấn		B	7	6	6	#VALUE!	Thiếu Ban	
163	K125520103227	Nguyễn Minh	Tuấn	8/11/1994	6	8	6	8	7.2	Đạt	
164	K125520114049	Trình Anh	Tuấn		8	6	7		5.1	Thiếu Ban	
165	DTK1151010099	Hoàng Văn	Tùng	15/05/93	7	8	7	6	7.1	Đạt	
166	DTK1151010100	Phạm Thanh	Tùng		8	6	7	5	6.3	Đạt	
167	K125520103105	Vũ Anh	Tùng	07/02/94	8	6	8	7	7.0	Đạt	
168	K125520103106	Vương Xuân	Tùng	08/05/94	4	7	6	7	6.3	Đạt	
169	K125520103163	Nguyễn Thanh	Tùng		8	6	7	8	7.0	Đạt	
170	K125520103220	Phạm Thanh	Tùng	28/10/94		4	B	B	#VALUE!	Thiếu Ban	
171	K125520103400	Nguyễn Xuân	Tùng		7	8	7	6	7.1	Đạt	
172	K135520103207	Nguyễn Văn	Tùng	13/10/94	7	7	8	8	7.5	Đạt	
173	K125520103113	Lê Duy	Tuyên		7	7	5	4	5.8	Đạt	
174	K125520103395	Nguyễn Đức	Việt		3	8	8	8	7.2	Đạt	
175	DTK1151010216	Thân Văn	Vũ		6	7	7	8	7.1	Đạt	
176	K125520103057	Nguyễn Duy Anh	Vũ			B			#VALUE!	Thiếu Ban	
177	K125520103173	Nguyễn Văn	Vũ	14/08/94	7	7	8	5	6.8	Đạt	
178	K125520103229	Lưu Văn	Vũ		7	8	8	5	7.1	Đạt	
179	DTK1051010080	Dương Trọng	Vũ	22/09/92	Chuyển W401				6.3	Đạt	
180	K125520114061	Trần Quang	Vui	16/02/93	8	7	7	7	7.2	Đạt	
181	K125520114108	Nông Quốc	Vương		5				0.8	Thiếu Ban	
182	DTK1051010721	Hoàng Văn	Xuân	29/02/92	6	8	B	6	#VALUE!	Thiếu Ban	
183	K125520103116	Hà Trường	Xuân	1/5/1993	8	6	8	7	7.0	Đạt	

Ấn định danh sách: 183 SV